

Câu 1: 2 tấn 500kg = kg. Số cần điền vào chỗ chấm là:

- A. 2 500 B. 20 500 C. 2 050 D. 2 500

Câu 2. Số ba trăm hai mươi một triệu năm trăm hai mươi ba nghìn viết là:

- A. 321 523 B. 321 523 000 C. 321 5 230 D. 523 321 000

Câu 3. Số gồm có 5 triệu, 7 chục nghìn, 6 trăm được viết là:

- A. 5 700 600 B. 5 070 600 C. 5 007 600 D. 5 070 060

Câu 4. Giá trị của chữ số 8 trong số 123 846 579 là:

- A. 8 000 B. 80 000 C. 800 000 D. 8 000 000

Câu 5. Số gồm 8 trăm nghìn, 6 trăm, 5 chục và 4 đơn vị là:

- A. 865 044 B. 806 504 C. 800 645 D. 800 654

Câu 6. Làm tròn số 78 351 829 đến hàng trăm nghìn được số:

- A. 78 350 000 B. 78 300 000 C. 78 200 000 D. 78 400 000

Câu 7. Trong số 34 652 471, chữ số 3 thuộc hàng nào, lớp nào?

- A. Hàng trăm triệu, lớp nghìn B. Hàng triệu, lớp triệu
C. Hàng trăm nghìn, lớp nghìn D. Hàng chục triệu, lớp triệu

Câu 8. Số 12 346 700 làm tròn đến hàng trăm nghìn được số:

- A. 12 340 000 B. 12 300 000 C. 12 400 000 D. 12 350 000

Câu 9. Chiến thắng Bạch Đằng năm 1288 đánh tan quân Mông Nguyên lần thứ ba thuộc thế kỉ nào?

- A. XIII B. XIV C. XII D. XVI

Câu 10. Năm 1709 thuộc thế kỉ:

- A. XVI B. XVII C. XVIII D. XIX

Câu 11. Máy bay được phát minh năm 1903. Năm đó thuộc thế kỉ:

- A. XVIII B. XIX C. XX D. XXI

Câu 12. Cho dãy số 9 113, 9 115, 9 117, Số thứ năm của dãy số đã cho là:

- A. 9 118 B. 9 119 C. 9 121 D. 9 123

Câu 13. 3 tấn 50 kg = kg. Số cần điền vào chỗ chấm là:

- A. 3 050 B. 3 500 C. 350 D. 30 050

Câu 14. $2\text{m}^2\ 51\text{dm}^2 = \dots\dots \text{dm}^2$

- A. 2 501 B. 2 510 C. 2 051 D. 251

Câu 15. $3\text{dm}^2\ 8\text{mm}^2 = \dots\dots \text{mm}^2$. Số thích hợp điền vào chỗ chấm là:

- A. 30 008 B. 38 000 C. 30 800 D. 3 008

Câu 16. Số thích hợp để điền vào chỗ chấm $3\text{m}^2\ 35\text{cm}^2 = \dots\dots \text{cm}^2$

- A. 30 035 B. 3 035 C. 335 D. 3 350

Câu 17. Số thích hợp điền vào chỗ chấm 5 tấn 6 tạ = kg là:

- A. 56 B. 560 C. 5 600 D. 56 000

Câu 18. Số thích hợp điền vào chỗ chấm 4 phút 35 giây = giây là:

- A. 250 B. 155 C. 275 D. 240

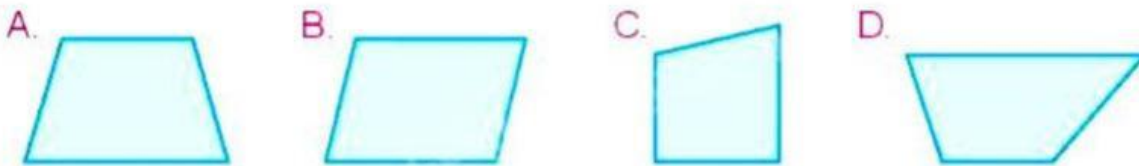
Câu 19. 75 phút =..... giờ phút

- A. 1 giờ 35 phút B. 1 giờ 15 phút C. 1 giờ 55 phút D. 1 giờ 45 phút

Câu 20. Một góc có số đo là 140° . Vậy góc đó là:

- A. Góc nhọn B. Góc vuông C. Góc tù D. Góc bẹt

Câu 21. Hình có 2 góc nhọn, 2 góc tù và 2 cặp cạnh song song là:

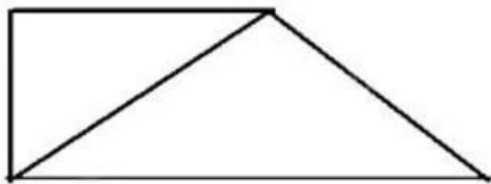


Câu 22. Hình vẽ bên có:



- A. Hai đường thẳng song song. Hai góc vuông
B. Hai đường thẳng song song. Ba góc vuông
C. Ba đường thẳng song song. Hai góc vuông
D. Ba đường thẳng song song. Ba góc vuông

Câu 23. Hình bên có:



- A. 4 góc nhọn, 2 góc tù và 2 góc vuông
B. 4 góc nhọn, 2 góc tù và 1 góc vuông
C. 4 góc nhọn, 1 góc tù và 2 góc vuông
D. 3 góc nhọn, 2 góc tù và 3 góc vuông

Câu 24. Xe thứ nhất chở được 1 tấn 5 tạ gạo, xe thứ hai chở được nhiều hơn xe thứ nhất 3 tấn 80 kg gạo, xe thứ ba chở được ít hơn xe thứ hai 2 tấn 25 yến gạo. Vậy khối lượng cả ba xe chở được là:

- A. 6 630 kg B. 7 830 kg C. 8 410 kg D. 7 310 kg

Câu 25. Tổng của hai số là 456. Số lớn hơn số bé 24 đơn vị. Tìm số bé?

- A. 240 B. 216 C. 256 D. 267

Câu 26. Mẹ sinh Hà năm 25 tuổi. Hiện tại, tổng số tuổi của mẹ và Hà là 45 tuổi. Vậy hiện tại, số tuổi của Hà là:

- A. 9 tuổi B. 8 tuổi C. 12 tuổi D. 10 tuổi

BÀI TẬP TOÁN NGÀY 11/11

Câu 1. Hai xe chở tất cả 3 tấn 6 tạ gạo. Xe thứ nhất chở nhiều hơn xe thứ hai 9 tạ gạo. Vậy khối lượng gạo xe thứ nhất chở là:

- A. 2 350 kg B. 1 350 kg C. 2 500 kg D. 2 250 kg

Câu 2. Một mảnh vườn hình chữ nhật có nửa chu vi là 24 m. Chiều dài hơn chiều rộng 6 m. Vậy diện tích của mảnh vườn đó là:

- A. 144 m² B. 135 m² C. 120 m² D. 90 m²

Câu 3. Trường tiểu học Kim Đồng có 524 học sinh. Số học sinh nam ít hơn số học sinh nữ là 136 em. Hỏi trường tiểu học Kim Đồng có bao nhiêu học sinh nam?

- A. 194 học sinh B. 330 học sinh C. 198 học sinh D. 327 học sinh

Câu 4. Đặt tính rồi tính.

$$378\,265 + 530\,827$$

$$920\,836 - 618\,350$$

$$68\,127 : 3$$

$$6\,209 \times 8$$

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Câu 5. Viết số thích hợp vào chỗ chấm.

$$3 \text{ phút} = \dots\dots\dots \text{ giây}$$

$$5 \text{ giờ} = \dots\dots\dots \text{ phút}$$

$$900 \text{ năm} = \dots\dots\dots \text{ thế kỉ}$$

$$7 \text{ phút } 15 \text{ giây} = \dots\dots\dots \text{ giây}$$

$$9 \text{ phút } 8 \text{ giây} = \dots\dots\dots \text{ giây}$$

$$3 \text{ giờ } 17 \text{ phút} = \dots\dots\dots \text{ phút}$$

Câu 6. Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

$$12 \text{ dm}^2 = \dots\dots\dots \text{ cm}^2$$

$$7 \text{ m}^2 = \dots\dots\dots \text{ cm}^2$$

$$34 \text{ m}^2 = \dots\dots\dots \text{ dm}^2$$

$$6 \text{ m}^2 \text{ } 1 \text{ dm}^2 = \dots\dots\dots \text{ dm}^2$$

$$8 \text{ dm}^2 \text{ } 44 \text{ cm}^2 = \dots\dots\dots \text{ cm}^2$$

$$6300 \text{ dm}^2 = \dots\dots\dots \text{ m}^2$$

$$9 \text{ cm}^2 \text{ } 15 \text{ mm}^2 = \dots\dots\dots \text{ mm}^2$$

$$4 \text{ m}^2 \text{ } 51 \text{ cm}^2 = \dots\dots\dots \text{ cm}^2$$

Câu 7. Đổi đơn vị rồi điền dấu < ; > ; = vào chỗ chấm:

$$138 \text{ cm}^2 \dots\dots\dots 13 \text{ dm}^2 \text{ } 8 \text{ cm}^2$$

$$1\,954 \text{ dm}^2 \dots\dots\dots 20 \text{ m}^2$$

$$6 \text{ dm}^2 \text{ } 3 \text{ cm}^2 \dots\dots\dots 603 \text{ cm}^2$$

$$12 \text{ m}^2 \dots\dots\dots 119\,000 \text{ cm}^2$$

Câu 8. Tính bằng cách thuận tiện.

$$\text{a) } 2\,023 + 13\,258 - 23 + 742$$

$$\text{b) } 3855 + (2\,683 + 1\,145) + 2\,317$$

.....

.....

.....

.....

.....

.....

c) $32\,684 + 41\,325 + 316 + 675$

.....

d) $65\,318 - 7\,295 + 47\,295 - 5\,318$

.....

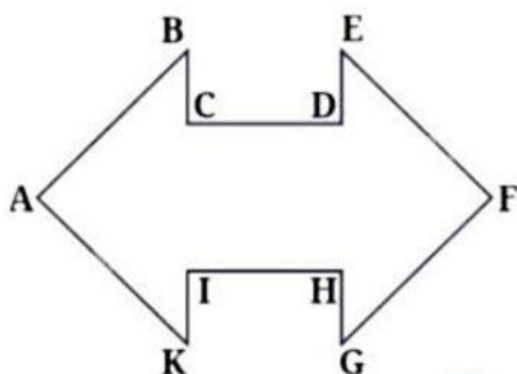
Câu 9.

Cho các hình vẽ sau:



- a) Những hình nào có cặp cạnh song song với nhau?
- b) Những hình nào có cặp cạnh vuông góc với nhau?.....

Câu 10. Cho hình sau:



- a) Có bao nhiêu góc nhọn?
- b) Có bao nhiêu góc vuông? Nêu tên các góc vuông đó? (Mẫu: Góc vuông đỉnh C)

- d) Có bao nhiêu cặp cạnh song song với nhau? Nêu tên các cặp cạnh đó.

Câu 12. Một trang trại chăn nuôi có 560 con gà trống và gà mái. Số gà mái nhiều hơn số gà trống là 340 con. Hỏi trại chăn nuôi đó có bao nhiêu con gà mỗi loại?

Bài giải:

.....

Câu 13. Cả hai lớp 4A và 4B trồng được 568 cây. Biết rằng lớp 4B trồng được ít hơn lớp 4A 36 cây. Hỏi mỗi lớp trồng được bao nhiêu cây.

Bài giải:

Câu 14. Một hình chữ nhật có chu vi là 96m, biết chiều rộng ngắn hơn chiều dài là 28m. Tính diện tích của hình chữ nhật đó?

Câu 15. Tính giá trị của biểu thức.

a) $125 + m$ với $m = 25$

b) $7 \times m$ với $m = 12$

c) $30 + m \times 5$ với $m = 15$

d) $(120 - m) : 8$ với $m = 40$

Câu 1. Số 948 424 làm tròn đến hàng nghìn là:

- A. 948 400 B. 948 000 C. 949 000 D. 950 424

Câu 2: Số 785 695 207 có chữ số 8 thuộc hàng nào, lớp nào?

- A. Hàng trăm triệu, lớp nghìn B. Hàng triệu, lớp triệu
C. Hàng chục triệu, lớp triệu D. Hàng chục nghìn, lớp đơn vị

Câu 3: “2 tấn 3 tạ = kg”. Số thích hợp cần điền là:

- A. 230 B. 23 000 C. 2 300 D. 230 000

Câu 4. 3 phút 5 giây = giây. Số thích hợp điền vào chỗ chấm là:

- A. 135 B. 185 C. 35 D. 85

Câu 5: Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

25 tấn 7 yến =kg

$4\text{m}^2\ 8\text{cm}^2 = \dots\dots\dots\text{cm}^2$

3km 24m =m

7600 năm = thế kỉ

Câu 6: Giá trị của biểu thức $2\ 514 \times a - b$ với $a = 6$ và $b = 200$ là:

- A. 14 884 B. 14 888 C. 18 448 D. 14 488

Câu 7: Trong số 105 367 chữ số đứng ở hàng nghìn là:

- A. 1 B. 0 C. 5 D. 7

Câu 8: Trong các số sau số lẻ là:

- A. 1 400 B. 1401 C. 1402 D. 1440

Câu 9: Số 3 105 407 làm tròn đến hàng trăm là:

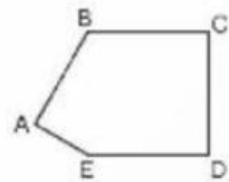
- A. 3 105 400 B. 3 105 407 C. 3 105 4100 D. 3 105 300

Câu 10: Dãy số chẵn được viết theo thứ tự từ bé đến lớn là:

- A. 789; 790; 791; 792 B. 788; 790; 792; 794
C. 788; 790; 794; 792 D. 789; 7901; 793; 795

Câu 11: Trong hình sau, đường thẳng nào song song với đường thẳng BC:

- A. BA B. CD
C. ED D. AE



Câu 12: Em hãy chọn ý có đủ các số 0 viết tiếp vào sau số 87 để được 87 triệu:

- A. 000 B. 0 000 C. 000 000 D. 0 000 000

Câu 13: Giá trị của biểu thức $24 : (7 - m)$ với $m = 1$ là

- A. 6 B. 4 C. 2 D. 3

Câu 14: Tính bằng cách thuận tiện nhất:

a) $57\ 670 + 29\ 853 - 7670$

b) $16\ 154 + 140 + 2\ 760$

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Câu 15: Điền số thích hợp vào chỗ trống:

a) 3 tấn =kg

b) $600\text{m}^2 = \dots\dots\dots\text{dm}^2$

c) 6 phút 12 giây =giây

d) 500 năm =thế kỉ